

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/02/2025

"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Quang Năng

- **Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Tất Thế

Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 178/2024/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lã Ngọc T**, sinh năm 1989; Nơi thường trú: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: **Xóm H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Hiện chị **A** đang lao động tại Đài Loan; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh **Lã Ngọc T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Nguyễn Thị A** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/04/2013 tại **UBND thị trấn H, D, Hà Nam**. Thời gian đầu hôn nhân, vợ chồng anh chị sinh sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung là cháu **Lã Bảo N**, sinh ngày 29/10/2013. Năm 2019, để kiếm thêm thu nhập phục vụ cuộc sống hàng ngày và để đảm bảo con gái được lớn lên trong điều kiện tốt nhất nên vợ chồng thống nhất để chị **A** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Kể từ thời

điểm chị [A](#) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan vợ chồng vẫn giữ liên lạc với nhau. Tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi. Những mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên, người thân và bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Đến năm 2024, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải được. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 01 người con chung là cháu [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013. Vợ chồng thỏa thuận sau khi ly hôn, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu [Lã Bảo N](#). Về mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh [Lã Ngọc T](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Anh [Lã Ngọc T](#) trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị [Nguyễn Thị A](#) tại Đài Loan mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho bố mẹ để chị là ông [Nguyễn Xuân T1](#) và bà [Trần Thị Q](#), trú tại [xóm H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Anh đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của chị [Nguyễn Thị A](#) qua bố mẹ anh.

Bị đơn chị [Nguyễn Thị A](#) hiện đang làm việc tại Đài Loan. Toà án đã tiến hành xác minh tại bố mẹ chị là ông [Nguyễn Xuân T1](#), trú tại [xóm H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#) về địa chỉ của chị [A](#) nhưng gia đình không cung cấp được. Toà án tiến hành gọi điện qua mạng xã hội cho chị [Nguyễn Thị A](#) do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của gia đình và đại diện chính quyền địa phương để lấy ý kiến của chị [A](#) về yêu cầu khởi kiện của anh [Lã Ngọc T](#), nội dung: Chị đi lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về nước lần nào, không có địa chỉ ổn định, khi ở chỗ này chỗ kia nên không thể cung cấp cho Toà án được. Chị và anh [T](#) đăng ký kết hôn hợp pháp tại [UBND thị trấn H, D, Hà Nam](#) năm 2013. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, sau đó dần phai nhạt, chị sang Đài Loan làm việc. Hiện anh [T](#) làm đơn xin ly hôn chị đã biết và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013, hiện con đang ở cùng anh [T](#) ở Hà Nam. Hai vợ chồng thống nhất giao con cho anh [T](#) nuôi con, việc cấp dưỡng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án chị không thể về Việt Nam nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử và uỷ quyền cho bố mẹ chị nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho chị.

Bố đẻ chị là ông [Nguyễn Xuân T1](#), trú tại [xóm H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#) đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho chị [Nguyễn Thị Anh](#).

Cháu [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về tình cảm: Xử cho anh [Lã Ngọc T](#) ly hôn chị [Nguyễn Thị Anh](#).

- Về con chung: Giao con chung [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013 cho anh [T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [Nguyễn Thị A](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh [Lã Ngọc T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh [Lã Ngọc T](#) (trú tại: [Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam](#)) khởi kiện xin ly hôn chị [Nguyễn Thị A](#), sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Xóm H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Hiện chị [A](#) đang lao động tại Đài Loan. Theo công văn số 1088/QLXNC- Đ1 ngày 25/10/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H](#) thì chị [Nguyễn Thị A](#) đã xuất cảnh ngày 18/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị [Nguyễn Thị A](#) hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn

bản tố tụng cho thân nhân chị [Nguyễn Thị Anh](#). Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của chị [Nguyễn Thị A](#) đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh [Lã Ngọc T](#) nhưng chị [A](#) đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt và không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị [A](#). Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho chị [A](#) trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 19, 20, 21/12/2024 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa án định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 05/02/2025, lần 2 vào ngày 20/02/2025 tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng chị [A](#) vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Anh [Lã Ngọc T](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [T](#), chị [A](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Lã Ngọc T](#) và chị [Nguyễn Thị A](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh [T](#) và chị [A](#) là hợp pháp. Theo lời khai của anh [T](#), vợ chồng có mâu thuẫn từ khi chị [A](#) đi lao động ở nước ngoài năm 2019, từ đó đến nay chị [A](#) không về nước lần nào. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh [T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị [A](#). Hội đồng xét xử xét thấy: Hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Anh [T](#) và chị [A](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [Lã Ngọc T](#).

[3] Về con chung: Anh [Lã Ngọc T](#) và chị [Nguyễn Thị A](#) có 01 con chung là [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị [A](#) đi làm việc tại nước ngoài, anh [T](#) là người nuôi con, hiện nay con do anh [T](#) chăm sóc. Nay ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc con chung, cháu [Lã Bảo N](#) trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng được ở với bố. Do đó, cần giao con chung [Lã Bảo N](#), sinh ngày 29/10/2013 cho anh [Lã Ngọc T](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh [Lã Ngọc T](#) không yêu cầu, miễn xét. Chị [Nguyễn Thị A](#) có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh [Lã Ngọc T](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lã Ngọc T ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh

;

2. Về con chung: Giao con chung Lã Bảo N, sinh ngày 29/10/2013 cho anh Lã Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lã Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000082 ngày 08/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND H, huyện D, Hà Nam (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng

